

コロナ陽性になった時の流れ

Flowchart for COVID19-positive People
 新冠病毒呈阳性时的流程

कोरोना भयो (संक्रमण भयो) भने गर्नु पर्ने कुराहरु
 Quy trình xử lý khi bị dương tính với corona

This flowchart was drawn based on the situation in Tokyo in February 2021
 根据东京的状况，于2021年2月制定了这个流程图
 से बरत 2021तः फेब्रुअरी महिना सम्मको टोकियोको स्थितिमा अवस्था आधारी गरी बन्द्याको हो
 Sơ đồ này được tạo nên dựa trên tình hình ở thành phố Tokyo tại thời điểm tháng 2 năm 2021

英語・中国語・ナパール語・ベトナム語にて併記

このフローチャートは、2021年2月時点での、東京都における状況に基づいて作成しました。

病院や保健所・検査センターなどで
PCR検査実施

PCR testing at hospitals, public health centers, testing centers or others
 在医院、保健所、检查中心等接受PCR(核酸)检查
 अस्पताल या स्वास्थ्य केन्द्र(हेल्थ सेन्टर), टेस्ट सेन्टर इत्यादिमा PCR परीक्षण (टेस्ट) गराउने
 Tiến hành xét nghiệm PCR tại bệnh viện hoặc trung tâm y tế, trung tâm xét nghiệm

自宅で待機して療養の準備

Standby at home / Preparation for cure away
 在家等待，做好疗养、住院的准备

घरमै बसी उपचार गर्नेको लागि तयारी
 Chờ đợi tại nhà, chuẩn bị đi điều trị

病院や保健所・検査センターなどから
検査結果 陽性判定 連絡

Notification of test result(positive test result) from hospitals, public health centers, testing centers, or others
 检查的结果被判定为阳性者，由医院、保健所、检查中心等通知您
 अस्पताल या स्वास्थ्य केन्द्र(हेल्थ सेन्टर), टेस्ट सेन्टर इत्यादिबाट परीक्षण (टेस्ट), रिपोर्ट कोरोना संक्रमण भएको जानकारी
 Liên lạc kết quả xét nghiệm, xác nhận dương tính từ bệnh viện hoặc trung tâm y tế, trung tâm xét nghiệm

•健康状態聞き取り

Interview about health condition
 听取健康状况
 स्वास्थ्यको अवस्थाका बारेमा सोध्नुछ
 Lấy thông tin tình trạng sức khỏe

•疫学の調査※1

Epidemiology study
 流行病学的調査
 कहाँबाट कोरोना संक्रमण भएको भन्ने बारेमा सर्वेक्षण
 Đi về tra dịch tễ học

医師の判断(持病、年齢、症状などを総合的に勘案して)

Doctor's decision (based on comprehensive consideration of the patient's chronic disease, age, symptoms, etc.)

उपचारको निर्णय (रिपोर्ट देखि कोको रोग, उमेर, रक्तचाप, अडिङको बारेमा विचार गर्ने निर्णय)
 Phân đoán dựa vào các yếu tố (xem xét mang tính tổng quát về bệnh mãn tính, tuổi tác, triệu chứng)

療養先の決定

Determination of the recuperation site
 決定在哪儿疗养

उपचार गर्ने ठाउँको निर्णय
 Quyết định nơi đi điều trị

し たくりょうよう ば あい
自宅療養※2の場合
 Case of home cure घरमै बसी उपचार को अवस्थामा
 在家疗养 Trường hợp đi điều trị tại nhà

3

ホテル療養の場合 ※5
 Case of hotel cure
 在酒店疗养
 होटेलमा बसी उपचार गर्ने अवस्थामा
 Trường hợp đi điều trị tại khách sạn

入院する場合
 Case of hospitalization
 需住院时
 अस्पतालमा भर्ना गर्ने अवस्थामा
 Trường hợp nhập viện

はいしよく さーびす ※3
配食サービス
 Catering service खानेकुरा वितरण सेवा
 食品配送服务 Dịch vụ phát đồ ăn

保健所から入所先の連絡
 Notification of the facility to stay from some public health center
 由保健所联系，告知您在哪个酒店疗养
 स्वास्थ्य केन्द्र(हेल्थ सेन्टर) बाट उपचार गर्ने ठाउँको बारेमा जानकारी
 Liên lạc về nơi ở từ trung tâm y tế

保健所から入院先・送迎時間の連絡
 Notification of the cure site and pick-up time from some public health center
 由保健所联系，通知您往哪家医院、接送的时间
 स्वास्थ्य केन्द्र(हेल्थ सेन्टर)बाट भर्ना गर्ने अस्पतालमा जानका लागि घरमा लिन आउने समयको जानकारी
 Liên lạc về nơi nhập viện và giờ đưa đón từ trung tâm y tế

けんこう かんさつ ※4
健康観察
 Observation of health condition
 观察健康
 स्वास्थ्यको अवलोकन (जाँच, सोध्नुछ)
 Theo dõi sức khỏe

準備 2
自宅までお迎え※6
 Preparation for moving
 做好准备
 Pick up at home
 派车去您家接您
 घरसम्म लिन आउने
 Đón từ nhà

入院
 Hospital stay
 住院
 अस्पतालमा भर्ना
 Nhập viện

発症日を0日目とし、10日間経過し、かつ症状軽快後72時間経過後
 After 10 days from the start of symptoms and 72 hours from relief
 以出现症状日为0天，经过了10天，症状减轻后且经过了72小时
 कोरोनाको लक्षण देखिएपछि दिनलाई 0 दिन मानी, 10 दिन सम्म, साथै कोरोनाको लक्षण सामान्य भएको 72 घण्टा बिरोपछि
 Lấy ngày phát bệnh là ngày 0, qua 10 ngày, và sau 72 giờ sau khi tình trạng bệnh chuyển biến tốt

外出可能 (療養終了)
 Permission to go out (Completion of cure)
 可以外出 (疗养结束)
 बाहिर जान पाउने
 Có thể ra ngoài

退所 ※7
 Discharge
 出店
 बाहिर निस्कने
 Rời khách sạn

退院 ※7
 Discharge
 出院
 अस्पतालबाट डिस्चार्ज
 Ra viện

- ※1 接触者の確認及び感染場所の調査という感染予防策のため
 Contact tracing and contact point survey for infection control
 作为预防感染措施，需确认及调查感染场所及感染地
 सर्वाधिकारकर्ताहरूको पहिचान तथा संक्रमण स्थानको पहिचान गर्न आवश्यकता देखिएमा उपचारको लागि
 Y tá nhân tiếp xúc người bị nhiễm virus cần xác định nguồn lây nhiễm virus để có thể ngăn ngừa lây nhiễm
- ※2 病床の空き具合により、症状があっても早く入院できず待機する場合もある
 Patients may have to stay home in case of shortage of beds
 病床が空いていない場合は、症状があっても早く入院できず待機する場合があります
 अवस्थामा इच्छा अनुसार उपचार गर्न पाउने अवस्था नभएको कारणले गर्दा उपचार गर्न नपाउँदा बाध्य हुनुपर्ने
 Tuy vào tình trạng các giường bệnh, mà số cơ trường hợp đã có triệu chứng bệnh cũng không thể nhập viện ngay được mà phải chờ đợi.
- ※3 地域による、宗教食・菜食の提供は難しい場合が多い
 Depending on the region, it may be difficult to provide religious or vegetarian food
 地域によって、宗教食・菜食の提供が難しい場合があります
 सर्वोपयोगी खाद्य पदार्थहरूको उपचार गर्न नपाउँदा बाध्य हुनुपर्ने
 Tùy theo vùng miền các món ăn mang tính tôn giáo hoặc thuần chay.
- ※4 症状の確認と生活や心のフォロー
 For confirmation of health conditions and support of living or psychological conditions
 症状確認、対応の支援、身心のフォロー
 कोरोनाの診断結果を基に、生活や心のフォローが必要になる場合があります
 Kiểm tra tình trạng bệnh và hỗ trợ đời sống, tinh thần.
- ※5 症状の悪化や待機していた場合などは、青い印の場合も出てくる
 Patients may follow blue arrows in case of symptomatic worsening or standing by at home
 症状が悪化した場合や待機していた場合は、青い印の矢印も出てくる場合があります
 病状が悪化する可能性がある場合や待機していた場合は、青い印の矢印も出てくる場合があります
 Nếu tình trạng bệnh chuyển biến xấu hơn hoặc chờ đợi, có thể có trường hợp mũi tên màu xanh.
- ※6 可能な限り自家用車で行く
 If possible, go by private car
 可能な限り自家用車で行く
 Nếu có thể, hãy sử dụng xe cá nhân
- ※7 公共交通機関などで自分で帰る
 Return home by public transport
 公共交通機関などで自分で帰る
 Nếu không thể, hãy sử dụng phương tiện giao thông công cộng...

●コロナ陽性診断後の入院・ホテル療養にはお金はかかりません
 It is free of charge for hospitalization or hotel cure after you tested COVID19-positive
 被诊断为新冠阳性后，住院及在酒店疗养均免费
 कोरोना संक्रमण भई सकेपछि अस्पताल तथा होटेलमा बसी उपचार गर्न पैसा लाग्दैन
 Không cần trả tí gì khi đi điều trị tại bệnh viện, khách sạn sau khi được chuẩn đoán dương tính với corona

●コロナに関する多言語情報
 新型コロナウイルス感染症対策(内閣官房)
 Multi-language Information on COVID-19
 COVID-19 Information and Resources (Cabinet Secretariat)
 有关新冠的多语言信息、新冠症状病毒感染症对策(内閣官房)
 कोरोनाको बारेमा बहुभाषी जानकारी कोरोना भाइरस संक्रमण नियन्त्रण (मन्त्रीमंडल)
 Thông tin bằng nhiều ngôn ngữ liên quan đến corona
 Các biện pháp phòng chống bệnh truyền nhiễm virus corona chủng mới (Văn phòng các Nhật Bản)

●コロナに関する多言語医療情報
 (全国保健所長会)
 Multi-language Information on COVID-19
 (Japanese Association of Public Health Center Directors)
 有关新冠的多语言医疗信息(全国保健所長会)
 कोरोनाको बारेमा बहुभाषी चिकित्सा जानकारी (राष्ट्रिय स्वास्थ्य केन्द्र निर्देशक संघ)
 Thông tin y tế bằng nhiều ngôn ngữ liên quan đến corona
 (Hiệp hội giám đốc trung tâm y tế toàn quốc)

★ そのとき 自分ですること Things you can do on your own 自己要做的事 आफैले गर्ने कुराहरु Việc tự mình thực hiện

1 電話番号を確認します Check some phone numbers 確認して電話番号 番号を呼ぶ 確認して電話番号 番号を呼ぶ

2 準備します Items you need to prepare 做好准备 必要なもの

3 日本語を覚えよう Pick up some Japanese words and phrases 请记起相关的日语单词 必要な日本語を覚えてください

自宅療養中に体調がわるくなったとき、どこに連絡するか必ず聞きましょう
 Ask the phone number where you can reach in case you feel out of sorts during home cure
 在家疗养中如症状发生恶化时，应给哪儿打电话，请务必事先打听清楚
 घरमा बसी उपचार गरिरहेको बेला स्वास्थ्यमा समस्या आएको खण्डमा, कहाँ सम्पर्क गर्ने भनेर सोध्नु होस्
 Nhất định hãy hỏi xem có thể liên lạc đến đâu khi tình trạng cơ thể chuyển biến xấu trong quá trình đi điều trị tại nhà

食べ物、水、消毒液、トイレットペーパー
 食べ物、水、消毒液、トイレットペーパー
 食べ物、水、消毒液、トイレットペーパー
 食べ物、水、消毒液、トイレットペーパー

お金、携帯電話、充電器、身分証、服、パジャマ、下着、マスク、タオル、洗面用具、洗剤、ゲーム、本、お菓子、音楽など時間を過ごせるもの
 钱、手机、充电器、身份证、衣服、睡衣、内衣、口罩、毛巾、洗漱用品、洗涤剂、游戏、书、零食、音乐等可以消磨时间的东西
 钱、手机、充电器、身份证、衣服、睡衣、内衣、口罩、毛巾、洗漱用品、洗涤剂、游戏、书、零食、音乐等可以消磨时间的东西
 钱、手机、充电器、身份证、衣服、睡衣、内衣、口罩、毛巾、洗漱用品、洗涤剂、游戏、书、零食、音乐等可以消磨时间的东西

救急車を呼ぶときは119 Call 119 for an ambulance 救护车时请拨打119 119 番を呼ぶとき 119 番を呼ぶとき